

Số: 39/2018/QĐST-DS

Phú Riềng, ngày 02 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20/4/2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 67/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1950

Địa chỉ: Tổ 2, thôn PL, xã P, huyện PR, tỉnh BP.

Bị đơn: Ông Kiều Duy K, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn PT, xã P, huyện PR, tỉnh BP.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Kiều Xuân K, sinh năm 1940

Địa chỉ: Thôn PT, xã P, huyện PR, tỉnh BP.

Ông Kiều Xuân K đã có văn bản ủy quyền ngày 12/3/2018 cho bà Kiều Thị T: Bà Kiều Thị T, sinh năm 1965.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: 84/16, Tổ 17, ấp 7, xã XTT, huyện HM, TP.HCM

- Ông Phạm Quốc K, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 2, thôn PL, xã P, huyện PR, tỉnh BP.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nguyên đơn bà Phan Thị N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L, ông Phạm Quốc K thống nhất trả cho bị đơn ông Kiều Duy K 01 (một) chỉ vàng 9999.

- Ông Kiều Duy K thống nhất trả lại cho bà Phan Thị N thửa đất số 142a, tờ bản đồ số 46, địa chỉ thửa đất tại thôn PL, xã P, huyện PR, tỉnh BP, thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00193/TC do Ủy ban nhân dân huyện BGM (cũ) nay là huyện PR cấp ngày 15/10/2010 cho người sử dụng đất là ông Kiều Duy K. Đất có tứ cận:

Phía Tây giáp thửa đất của bà Phan Thị N có chiều dài cạnh là 19,59m

Phía Nam giáp đất bà Lê Thị V có chiều dài 8,8m

Phía Đông là góc nhọn, phía Đông Bắc giáp đường thôn có chiều dài 4,91m

Phía Bắc giáp đường thôn có chiều dài 14,54m

Tại buổi hòa giải, ông Duy K đã được nhận 01 chỉ vàng 9999 và đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00193/TC do Ủy ban nhân dân huyện BGM (cũ) nay là huyện Phú Riềng cấp ngày 15/10/2010 mang tên ông Kiều Duy K cho bà Phan Thị N để bà Phan Thị N có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký đất đai đăng ký quyền sở hữu đối với thửa đất này. Quá trình giải quyết vụ án, diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00193 cho ông Kiều Duy K là 123.5m² nhưng qua đo đạc thực tế, diện tích đất thực tế là 105m². Các bên không có tranh chấp và thống nhất với diện tích đo đạc thực tế là 105m².

Bà Phan Thị N có quyền đăng ký xin điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã thỏa thuận trên theo quy định pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng), chi phí định giá là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), chi phí đo đạc là 846.000đ (Tám trăm bốn mươi sáu ngàn đồng). Tổng cộng chi phí tố tụng là 4.346.000đ (Bốn triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

+ Nguyên đơn bà Phan Thị N tự nguyện chịu số tiền 2.346.000đ (Hai triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn đồng). Bà N đã hoàn thành nghĩa vụ nộp chi phí tố tụng này.

+ Bị đơn ông Kiều Duy K tự nguyện chịu số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), tại tòa án ông Khẩn đã hoàn trả chi phí tố tụng này cho bà Phan Thị N. Ông Duy K đã hoàn thành nghĩa vụ nộp chi phí tố tụng này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm án phí 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026004 ngày 23/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

PR, tỉnh BP. Bà Phan Thị N được hoàn lại số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PR.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện PR;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Thị Phụng